TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 11 - 2021
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thể, ông Lê Văn Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2021/TLST - HNGĐ, ngày 07/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc A, sinh năm 1992

HKTT: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh,

Tạm trú: Khối 8, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

HKTT: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 1A, xã N, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, hiện lao động tại Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung :

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc A và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 09/9/2013 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Theo anh Trần Quốc A trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường thỉnh thoảng có mâu thuẫn cãi vả nhau, do kinh tế khó khăn năm

2020 chị T đi xuất khẩu lao động, từ đó do xa cách nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai, thời gian dài cảm thấy không hợp nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lại không ở gần nhau. Vợ chồng không còn tình cảm anh đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Tại biên bản ghi lời trình bày của chị T ngày 27/10/2021, theo chị T vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, đã sống ly thân nhau 4 năm nay, năm 2020 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên là Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/7/2014.

Anh Trần Quốc A có nguyện vọng được nuôi con chung.Trong đơn khởi kiện anh Anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con tháng 2.000.000đ, tại bản tự khai ngày 19/10/2021 anh Anh không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T đồng ý sau khi ly hôn để anh Anh là người trực tiếp nuôi con chung và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh Trần Quốc A, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Anh, chị T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83,123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc A, xử cho anh Trần Quốc A được ly hôn với chị Nguyễn Thị T; về con chung: giao con chung cho anh Anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận sự tự nguyên của chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, chị T có quyền thăm nom con chung không được ai ngăn cản; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 23986/QLXNC-P5, ngày 15/10/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/1992 đã xuất cảnh ngày 09/12/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo thông tin người nhà cho biết hiện tại chị T đang lao động tại Nhật Bản. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị T đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của chị Nguyễn Thị T thông qua bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ chị T). Bà N cho biết hiện tại chị T lao động tại Nhật bản, còn địa chỉ cụ thể bà không biết. Chị T điện thoại có hình ảnh có sự chứng kiến của bà Hoàng Thị N, Toà án đã ghi lại tại biên bản ngày 27/8/2021, chị T cho biết hiện tại chị đang lao động tại Nhật bản, chị không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, chị xin được vắng mặt, chị nhờ mẹ là bà Hoàng Thị N giao nhận tài liệu thay chị. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 477 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc A và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 09/9/2013 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.Việc kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Trần Quốc A, chị Nguyễn Thị T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân nhau, không yêu thương quan tâm, chăm sóc cho nhau. Theo công văn số 59/UBND ngày 01/11/2021 của UBND xã K cho biết giữa anh Anh và chị T có mâu thuẫn, sau khi xảy ra mâu thuẫn hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống và làm việc mỗi nơi .Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng giữa anh Anh và chị T không còn tình cảm, chị T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh Anh, xử cho anh Trần Quốc A được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/7/2014.

Anh Trần Quốc A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị T có ý kiến do hiện nay chị đang ở Nhật Bản không thể về Việt Nam nên chị đồng ý để anh Anh trực tiếp nuôi con và chị cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ.

Xét thấy, cháu Trần Nguyễn Bảo T có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh Trần Quốc A, hiện cháu đang ở với anh A, được anh A nuôi dưỡng phát triển tốt về mọi mặt. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Bảo T cho anh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù anh A không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Toà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu T, Toà án ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc A, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83,123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Quốc A được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/7/2014 cho anh Trần Quốc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18/10/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Quốc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000003 ngày 06/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã nơi đăng ký KH;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Lệ Thu